

# CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

## NHÌN TỪ GÓC ĐỘ QUỐC TẾ

PGS, TS PHẠM QUANG MINH\*

*Cách đây 65 năm, Cách mạng Tháng Tám thành công, là sự kiện có tầm quan trọng bậc nhất, bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Có thể nói, không có Cách mạng Tháng Tám, sẽ không có một Việt Nam như hôm nay và chính Cách mạng Tháng Tám đã đặt nền móng cho toàn bộ sự phát triển sau này của đất nước. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà Việt Nam học trên thế giới đã dành sự quan tâm đặc biệt cho sự kiện này<sup>1</sup>. Cách mạng Tháng Tám thành công vì Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh, khác với các lực lượng ở các quốc gia Đông Nam Á khác, đã phân tích một cách chính xác tình hình quốc tế và khu vực, nắm bắt thời cơ và phát huy những giá trị chung của nhân loại.*

### 1. Bối cảnh quốc tế và khu vực của Cách mạng Tháng Tám

Trong tiến trình lịch sử thế giới, năm 1945 được coi là bước ngoặt đánh dấu sự thay đổi cấu trúc quy mô lớn nhất từ trước đến nay. Ngày 9-5-1945, sau hơn 5 năm giao chiến chính thức từ 1-9-1939, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai giữa một bên là phe phát xít gồm Đức, Italia và Nhật Bản và một bên là phe Đồng minh gồm Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô... đã chính thức kết thúc ở châu Âu với thắng lợi thuộc về phe Đồng minh. Tuy nhiên, tiếng súng vẫn chưa ngớt ở khu vực Đông Á, nơi quân đội

phát xít Nhật vẫn kiểm soát được tình hình chiến sự. Khác với địa bàn châu Âu, cuộc chiến tranh ở đây do phát xít Nhật phát động có những điểm khác biệt.

*Thứ nhất*, trong giai đoạn chiến tranh, các quốc gia ở Đông Á, bao gồm cả Đông Bắc Á và Đông Nam Á đã trở thành mục tiêu chiếm đóng, bóc lột và là một phần trong chiến lược xây dựng “Khu vực Đại Đông Á thịnh vượng chung” của Nhật Bản từ những năm 1930 của thế kỷ trước.

*Thứ hai*, Nhật Bản là nước duy nhất trong một thời gian ngắn đã thách thức sức mạnh của Mỹ thông qua cuộc tấn công vào Trân Châu Cảng ngày 7-12-1941. Ngay sau đó, sức mạnh này còn được thể hiện ở khu

\* Đại học Quốc gia Hà Nội

vực Đông Nam Á bằng cuộc tấn công chi kéo dài trong vòng 5 tháng (từ tháng 12-1941 đến tháng 5-1942), loại bỏ hoàn toàn ách thống trị đã tồn tại hàng trăm năm của các nước thực dân phương Tây như Pháp (ở Đông Dương), Hà Lan (ở Indonesia), Anh (ở Mã Lai) và Mỹ (ở Philippines).

*Thứ ba*, khi tiến hành cuộc chiến tranh, Nhật Bản luôn nêu ra khẩu hiệu “đồng chủng, đồng văn”, “giải phóng châu Á khỏi ách thống trị của người châu Âu”, “châu Á phải thuộc về người châu Á”. Xuất phát từ thực tế này, tình hình chính trị ở các nước Đông Nam Á đã diễn ra sự phân hóa và có những đánh giá khác nhau. Trong số đó, một số có tư tưởng “thần phục” sức mạnh của Nhật nên sẵn sàng đi theo, ủng hộ một “Khu vực Đại Đông Á thịnh vượng chung”. Một số khác lại ấu trĩ tin vào “sứ mệnh giải phóng châu Á khỏi ách thống trị phương Tây” của Nhật nên đã thụ động, trông chờ, ý lại. Số còn lại thì nhận rõ chân tướng của Nhật, nên đã lợi dụng, tranh thủ cơ hội này để trục lợi. Đó là các trường hợp Ba Mau và Aung San ở Miến Điện, Sukarno và Hatta ở Indonesia, Sơn Ngọc Thành ở Campuchia, Trần Trọng Kim ở Việt Nam...<sup>2</sup>

*Thứ tư*, tình hình chiến tranh ở Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ của sự phân bố quyền lực và quyết định giữa các cường quốc trên bàn Hội nghị Têhêran (Teheran) (11-1943), Yanta (2-1945) và đặc biệt là Pốttxđam (Potsdam) Đức. Từ ngày 17-7 đến ngày 2-8-1945, tại Hội nghị Pốttxđam, Tổng thống

Mỹ Rudoven (Roosevelt), Thủ tướng Anh Sóc-sin (Churchill) và Nguyên soái Liên Xô Xtalin đã quyết định việc phái lực lượng quân đội Đồng minh đến Việt Nam để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật sau khi chiến tranh kết thúc. Theo đó, quân đội Anh sẽ giải giáp quân đội Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16, trong khi quân đội của Trung hoa Dân quốc sẽ làm nhiệm vụ này ở phía Bắc vĩ tuyến 16.

## 2. Năm bất thời cơ cách mạng

Đứng trước tình hình quốc tế phức tạp như vậy, phản ứng của phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam Á đã diễn ra hết sức khác nhau. Ở Mã Lai và Miến Điện, những lực lượng kháng chiến đã “ngây thơ” tin theo lời kêu gọi của thực dân Anh, chấm dứt cuộc kháng chiến chống Nhật, nộp vũ khí, nhận một khoản tiền bồi thường và lời hứa trao trả độc lập sớm. Ở Philippin (Philippines), quân đội Mỹ đã trở lại Manila từ tháng 2-1945 cùng với chính phủ Osmena thân Mỹ, trong khi lực lượng kháng chiến chống Nhật Hukbalahap vẫn còn phân tán, chưa làm chủ được tình hình. Ở Indonesia, chỉ trước áp lực của phong trào kháng chiến và Đảng Cộng sản Indônêxia mà Sukarno và Hatta mới tuyên bố độc lập vào ngày 17-8-1945, trước khi Nhật Bản kịp thực hiện lời hứa trao trả độc lập cho quốc đảo này vào ngày 24-8-1945<sup>3</sup>.

Trong khi đó ở Việt Nam, bằng nhãn quan chính trị và tầm nhìn chiến lược, ngay từ năm 1941, Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định thành lập Mặt trận Việt

Minh, đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước. Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ tám khẳng định, Việt Nam huỷ bỏ tất cả các hiệp ước mà Pháp đã ký nhân danh Việt Nam, tuyên bố các dân tộc bình đẳng, kiên quyết chống lại các lực lượng xâm phạm quyền lợi của nhân dân Việt Nam và mật thiết liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới<sup>4</sup>. Trên thực tế, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân thực hiện sách lược mềm dẻo khôn khéo, tranh thủ một cách triệt để sự ủng hộ của Đồng minh. Chính Hồ Chí Minh là người đã chỉ đạo phương châm một mặt phải luôn luôn khẳng định thắng lợi của Hồng quân Liên Xô, nhưng mặt khác cũng hợp tác chặt chẽ với người Mỹ trong Cơ quan phục vụ chiến lược (OSS) và Cơ quan thông tin chiến tranh (OWI), đóng ở Côn Minh (Trung Quốc)<sup>5</sup>. Riêng đối với Trung Quốc, Hồ Chí Minh chỉ thị không được ảo tưởng vào Tưởng Giới Thạch, nhưng phải coi Trung Quốc là cầu nối với thế giới bên ngoài, đề cao khẩu hiệu “Hoa Việt thân thiện”:

Đứng trước tình hình Chiến tranh Thái Bình Dương có những biến chuyển quyết định, nhất là sau khi Liên Xô tuyên chiến với Nhật và Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima vào ngày 6-8 và Nagasaki vào ngày 8-8-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 đến 15-8-1945, trước cả khi phát xít Nhật chính thức tuyên

bỏ đầu hàng. Hội nghị đã đưa ra một quyết định có tính lịch sử là tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Trên phương diện quốc tế, Hội nghị đã xác định những nhiệm vụ đối ngoại hết sức cơ bản và sáng suốt:

*Một là*, xác định tính chất đồng minh tạm thời giữa Mỹ và Liên Xô trong cuộc đấu tranh chống phát xít. Vì lợi ích chống kẻ thù chung là khối Trục phát xít Đức-Italia - Nhật Bản mà Mỹ, Liên Xô, Anh, Pháp đã lập mặt trận chung chống phát xít. Không có sự hợp tác giữa hai bên, phe Đồng minh khó có thể giành được thắng lợi hoàn toàn. Nhưng đó chỉ là sự hòa hoãn tạm thời, còn mâu thuẫn giữa Liên Xô và Mỹ là mâu thuẫn có tính chất đối kháng, không đội trời chung.

*Hai là*, Việt Nam phải cố gắng tránh tình huống đối mặt cùng một lúc với nhiều lực lượng đồng minh kéo vào Việt Nam làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, nhưng thực chất là tiếp tay cho thực dân Pháp và những lực lượng phản động, dựng chính phủ tay sai, bắt lợi cho phong trào cách mạng. Khi đề ra nhiệm vụ này, Hội nghị đã nhận thức được mối nguy hiểm có thể xảy ra khi quân đội Anh và Tưởng vào làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật. Nước Anh có cùng chung quan điểm thực dân với Pháp, âm mưu tái chiếm các thuộc địa cũ nên chắc chắn sẽ tiếp tay cho lực lượng quân đội Pháp hoặc còn đang bị cầm tù hoặc đang nằm chờ ở miền Nam Trung Quốc sau khi Nhật đảo chính Pháp. Kéo theo lực lượng quân đội

của Tưởng Giới Thạch chắc chắn có đội quân của Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (Việt Cách) với âm mưu giành quyền kiểm soát hoặc chia sẻ quyền lực chính trị.

*Thứ ba*, Hội nghị Trung ương cũng xác định là chỉ có thực lực của ta mới quyết định được thắng lợi. Việt Nam không nên trông chờ và ý lại vào các lực lượng bên ngoài, nhưng vẫn phải biết tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của Liên Xô, Pháp, Trung Quốc và các nước khác.

Trong khi Hội nghị Trung ương vẫn còn đang diễn ra thì ngày 15-8-1945, Nhật hoàng chính thức tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, chấm dứt cuộc Chiến tranh châu Á - Thái Bình Dương. Nhận được tin này, ngay lập tức Trung ương Đảng và Hồ Chí Minh quyết định triệu tập Quốc dân Đại hội vào ngày 16-8-1945. Đây là quyết định có ý nghĩa lịch sử đối với vận mệnh của dân tộc, là biểu hiện cao nhất của ý chí và quyết tâm của hàng triệu người Việt Nam trước thời cơ có một không hai của đất nước. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề thời cơ, Quốc dân Đại hội đã họp bàn, quyết định tiến hành Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền và bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng<sup>6</sup>. Quyết định này trên thực tế là hiệu lệnh cho toàn thể dân tộc đã chờ đợi và ấp ủ từ lâu nguyện vọng được đứng lên làm chủ đất nước, tự quyết định lấy vận mệnh của mình. Chỉ trong vòng chưa đầy ba tuần lễ, tính từ ngày 16-8 khi Quốc dân

Đại hội quyết định Tổng khởi nghĩa cho đến ngày 2-9-1945, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, Việt Nam đã tiến hành thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám, lật đổ ách thống trị gần 80 năm của thực dân Pháp, chấm dứt 4 năm chiếm đóng của phát xít Nhật, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Năm bất đúng thời cơ khi phát xít Nhật tuyên bố đầu hàng và khi quân Đồng minh chưa kịp đến Việt Nam, Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Hồ Chí Minh đã kiên quyết phát lệnh Tổng khởi nghĩa và vì vậy đã giành được thắng lợi hoàn toàn, nhanh chóng<sup>7</sup>. Cần nhắc lại rằng trước đó, các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940), khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940) hoặc kế hoạch nổi dậy cuối năm 1944 đều thất bại vì một lý do cơ bản là thời cơ chưa chín muồi.

### 3. Chia sẻ những giá trị chung

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi bởi sự lãnh đạo tài tình của Đảng và nguyên nhân sâu xa chính là vì cuộc cách mạng này chia sẻ những mục tiêu chung cao cả của nhân loại. Đó là những mục tiêu có tính chất toàn cầu, của tất cả các dân tộc, không phân biệt dân tộc “thượng đẳng” và “hạ đẳng”. Lý tưởng chung của nhân loại là tự do, bình đẳng và bác ái. Không có dân tộc nào trên thế giới lại muốn bị “đè đầu cưỡi cổ”, bị áp bức và nô dịch. Không có dân tộc nào trên thế giới lại muốn bị cảnh “một cổ hai tròng” như dân tộc Việt Nam trong giai đoạn Chiến tranh thế giới thứ hai.

Những lý tưởng cao cả của Cách mạng Tháng Tám đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích một cách sâu sắc và thuyết phục trong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Không phải đến khi đặt bút viết *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh mới nhận ra lý tưởng cao cả đó. Ngay từ năm 1911, khi rời Việt Nam ra nước ngoài, một động cơ thôi thúc Người là muốn xem các dân tộc khác sinh sống như thế nào. Trong hành trình lâu dài và gian khó, bôn ba tìm đường cứu nước ở nước ngoài, Người đã nhận ra rằng trên thế giới này vẫn tồn tại sự bất bình đẳng. Ở đâu người dân lao động cũng bị bóc lột một cách thậm tệ, ở đâu bọn tư sản, đế quốc cũng là những kẻ bóc lột tàn bạo. Để chấm dứt sự bất bình đẳng này, phải tiến hành các cuộc cách mạng. Trong tác phẩm *Đường Cách mệnh*, Người đã nghiên cứu một cách kỹ lưỡng các cuộc cách mạng trên thế giới từ Cách mạng Mỹ, Cách mạng Pháp đến Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, để sau này vận dụng vào cách mạng Việt Nam<sup>8</sup>. Chính vì thế, trong *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn tuyên bố nổi tiếng về quyền của con người: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền được tự do và quyền

muu cầu hạnh phúc” từ Tuyên ngôn Độc lập của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1776<sup>9</sup>. Nhưng điều quan trọng hơn, từ quyền của các cá nhân, Hồ Chí Minh đã phát triển thành quyền của các dân tộc. Đây chính là lý do tại sao, cuộc Cách mạng Tháng Tám lại có sức hấp dẫn, thu hút được sự ủng hộ của triệu triệu đồng bào Việt: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Một điểm quan trọng nữa cũng cần nhấn mạnh là ngoài mục tiêu giải phóng dân tộc khỏi ách ngoại xâm, Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Hồ Chí Minh còn khôn khéo lồng ghép mục tiêu chống phát xít, đứng về phe Đồng minh để tranh thủ sự ủng hộ của họ. Không phải ngẫu nhiên mà Hội nghị mở rộng của Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã khẳng định: “Đế quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông Dương”<sup>10</sup>. Sau này, trong *Tuyên ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh một lần nữa lại khẳng định: “Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp”. Trong bối cảnh quốc tế phức tạp, Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là một bộ phận khăng khít của phe Đồng minh chống phát xít. Trên cơ sở khẳng định cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam không nằm

ngoài cuộc đấu tranh chống phát xít của nhân loại, Hồ Chí Minh đã có cơ sở để kêu gọi các nước Đồng minh ủng hộ và công nhận nền độc lập của Việt Nam: “Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”<sup>11</sup>.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi trước hết và chủ yếu là do Đảng Cộng sản Đông Dương đã phân tích một cách chính xác tình hình thế giới, tương quan lực lượng giữa hai phe Đồng minh và phát xít, và vì vậy ngay từ đầu đã có quyết định đúng đắn là đứng hẳn về phe Đồng minh chống phát xít. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã nắm bắt được thời khắc quan trọng có tính quyết định của khu vực châu Á - Thái Bình Dương vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh và kiên quyết không bỏ lỡ cơ hội nghìn năm có một đó. Cuối cùng, nhưng lại là điều rất quan trọng, đó chính là việc Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng thế giới. Cách mạng Tháng Tám chính là biểu hiện rõ nhất của việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại khi nó chia sẻ những giá trị chung, có tính nhân văn, nhân loại: Tự do, Bình đẳng, Bác ái.

1. David Marr: *Vietnam 1945-The Quest for Power*, University of California Press, Berkeley

1995; Stein Tonnesson: *The Vietnamese Revolution of 1945-Roosevelt, Ho Chi Minh and De Gaulle in a World at War*, International Peace Research Institute, Oslo 1991; Takashi Shiraishi and Furuta Motoo (eds.): *Indochina in the 1940s and 1950s*, Cornell University Press, Ithaca, New York 1992

2, 3. Vũ Dương Ninh: “Thời cơ tháng Tám trên bình diện quốc tế 1945”, trong Vũ Dương Ninh, Jan Pluvier, Nguyễn Văn Hồng: *Đông Nam Á Tháng Tám năm 1945*, NXB Thế giới, H, 2005, tr. 25, 44-47

4, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.7, tr. 113-119, 366

5. Dixee R. Bartholomew-Feis: *OSS và Hồ Chí Minh, Đồng minh bất ngờ trong cuộc chiến chống phát xít Nhật*, NXB Thế giới, H, 2006

6. Xem: *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.3, tr.554

7. Phạm Hồng Tung: *Nội các Trần Trọng Kim-Bàn chất, vai trò và vị trí lịch sử*, CTQG, H, 2009, tr. 328-329

8. Xem: *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.2

9. Sđd, T.4, tr.11. Trong tiếng Anh, câu trích đó là: “All men are created equal. They are endowed by their Creator with certain inalienable rights; among these are Life, Liberty, and the pursuit of Happiness”, xem trong: Marvin E. Gettleman, Jane Franklin, Marilyn B. Young and H. Bruce Franklin (eds.), *Vietnam and America - The Most Comprehensive Documented History of the Vietnam War*, Grove Press, New York 1995, p.26.

11. Sđd, T.4, tr.3.